

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Phúc;

Ông Lê Văn Rên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp X1, Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-11-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Nguyễn Ngọc M đã khai:

Chị Nguyễn Ngọc M và anh Nguyễn Thành D trên cơ sở tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận

kết hôn vào năm 2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D có tình cảm với người phụ nữ, vợ chồng không còn hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị M yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thành D.

Về con chung: Chị M và anh D có hai con chung tên là Nguyễn Ngọc Thu V, sinh ngày 26-3-2007 và Nguyễn Dương K, sinh ngày 18-02-2012; hiện cháu V và cháu K đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V và cháu K, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Nguyễn Thành D đã khai: Về quan hệ hôn nhân và thời gian ly thân đúng như lời trình bày của chị M. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh D chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc M.

Về con chung: chị M và anh D có hai con chung tên là Nguyễn Ngọc Thu V, sinh ngày 26-3-2007 và và Nguyễn Dương K, sinh ngày 18-02-2012; hiện cháu V và cháu K đang sống với chị M. Khi ly hôn, anh D đồng ý giao cháu V và cháu K cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc M đối với anh Nguyễn Thành D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành D, anh D có địa chỉ cư trú tại: ấp Long Hưng, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M, anh D là đúng theo qui định.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc M và anh Nguyễn Thành D đăng ký kết hôn tại UBND xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 29 tháng 6 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, chị M và anh D đều thừa nhận có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải, hàn gắn, chị M và anh D đã ly thân thời gian dài từ năm 2011 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho chị M và anh D hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh D có đơn đề nghị vắng mặt buổi hòa giải của Tòa án. Anh có lời khai, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M. Xét thấy, hôn nhân giữa chị M và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng cả hai không có mong muốn được hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh D là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh D thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Thu V, sinh ngày 26-3-2007 và Nguyễn Dương K, sinh ngày 18-02-2012. Chị M và anh D thống nhất giao 02 cháu V, K cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, việc thống nhất ý kiến của chị M và anh D là tự nguyện, đảm bảo các điều kiện chăm sóc cho con, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V, cháu K. Do đó, giao 02 cháu Nguyễn Ngọc Thu V, và Nguyễn Dương K cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D Anh Nguyễn Thành D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh D thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, anh Nguyễn Thành D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc M đối với anh Nguyễn Thành D. Chị M được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thu V, sinh ngày 26-3-2007 và Nguyễn Dương K, sinh ngày 18-02-2012 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thành D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh D thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0022578 ngày 07-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Thành D không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Ngọc M và anh Nguyễn Thành D có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y1 (lưu);
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoài Tâm